

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/DS-PT
Ngày 05 tháng 5 năm 2022
V/v: “*Tranh chấp đòi lại tài sản
là QSD đất và tài sản trên đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Tiến
Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hà Giang
Bà Lê Thị Thu Huyền

- *Thư ký tòa án:* Bà Phùng Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ:* Ông Nguyễn Quỳnh Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2022/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc “*tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất*”

Do bản án sơ thẩm số: 01/2022/DS-ST ngày 10/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 21/2022/QĐ-PT ngày 30/3/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hà Minh T, sinh năm 1973

Địa chỉ: Khu Phố, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn C - Luật sư Công ty luật TNHH Hoàng Long P&T – Đoàn luật sư tỉnh Phú Thọ; Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà LTA, số nhà 2436, đại lộ H, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (Bà Thúy có văn bản không nhờ tiếp tục làm đại diện ở cấp phúc thẩm).

Bị đơn: Bà Lương Thị N, sinh năm 1951

Địa chỉ: Khu 1, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Xuân V – Luật sư Công ty luật TNHH Hùng Lĩnh, Đoàn Luật sư tỉnh Phú Thọ; Địa chỉ: số 440 đường Nguyễn Tất Thành, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Hoàng A – Chức vụ: Giám đốc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất.

2. Ông Đỗ Văn S, sinh năm 1967

Địa chỉ: Khu Phố, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn C - Luật sư Công ty luật TNHH Hoàng Long P&T – Đoàn luật sư tỉnh Phú Thọ; Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà LTA, số nhà 2436, đại lộ H, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

3. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979

Địa chỉ: Khu 3, xã Đoan Hạ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

4. Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1983

5. Anh Nguyễn Công H, sinh năm 1985

6. Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1988

Đều có địa chỉ: Khu 1, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện theo ủy quyền của chị T, anh L, anh H, anh H:

Bà Lương Thị N, sinh năm 1951;

Địa chỉ: Khu 1, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người kháng cáo: Bà Lương Thị N là nguyên đơn và chị Nguyễn Thị T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

(Bà N, ông V, chị T có mặt; bà Thúy, ông Sơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà Thúy, ông Sơn có văn bản từ chối nhờ ông Lê Văn Chi bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tại phiên tòa phúc thẩm; các trường hợp khác không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án của nguyên đơn và người Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn Ông Lê Văn Chi trình bày:

Ngày 29/6/2017 gia đình bà Thúy có mua của bà Lương Thị N diện tích đất 126,9m² (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi mua của Bà N là thửa số 487, tờ bản đồ số 3, có diện tích 131,5m²). Quá trình làm thủ tục cấp giấy chứng nhận, khi đo đạc thực địa thì thửa đất có diện tích 126,9m², nay là thửa số 98, tờ bản đồ số 10, được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 032800 ngày 27/4/2018, đứng tên ông Đỗ Văn S và bà Hà Minh T, trên đất khi mua còn có cả ngôi nhà 02 tầng với diện tích 106,2m². Địa chỉ thửa đất: Khu 1, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Khi mua đất, hai bên cùng nhau tự nguyện, thống nhất làm bản Hợp đồng mua bán chuyển nhượng quyền sở hữu nhà và đất ở vào ngày **29/6/2017** do Bà N tự viết tay, tuy nhiên, khi bà Thúy yêu cầu Bà N đưa bìa đỏ thì Bà N nói là đã thế chấp ở Quỹ tín dụng thị trấn Thanh thủy, vì vậy bà Thúy cùng Bà N đến quỹ tín dụng thị trấn Thanh Thủy trả nợ số tiền Bà N vay là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) để rút lấy bìa đỏ về làm hợp đồng chuyển nhượng, cùng ngày vợ chồng bà Thúy và ông Sơn giao nốt số tiền còn lại là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) cho Bà N. Việc ký kết hợp đồng do Bà N tự viết tay, có sự nhất trí của các con Bà N và có sự chứng kiến của hàng xóm. Bà Thúy hiểu rằng, bìa đỏ

đứng tên Bà N thì Bà N có quyền bán cho bà, tuy nhiên bà Thúy vẫn yêu cầu có sự đồng thuận của con Bà N nên bà vẫn đề nghị con Bà N ký vào hợp đồng chuyển nhượng. Sau đó, ngày **03/7/2017** bà Thúy cùng Bà N lên Ủy ban nhân dân xã Bảo Yên làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Bà N có trực tiếp gặp ông Dũng chủ tịch xã và trình bày làm thủ tục chuyển nhượng, có cả cán bộ địa chính và cán bộ tư pháp đều có mặt chứng kiến. Sau đó, do Bà N có nhu cầu và đề đạt được ở nhờ và do gia đình bà Thúy chưa có nhu cầu sử dụng nên bà đã đồng ý cho Bà N ở nhờ.

Ngày 02/8/2019 Bà N xuống đề nghị muốn mua lại nhà đất với giá hơn bảy trăm triệu đồng, vợ chồng bà Thúy đồng ý cho Bà N về chuẩn bị thu xếp trong suốt thời gian dài, xong không thấy Bà N xuống. Sau đó Bà N còn đe dọa bà Thúy nếu không bán giá rẻ sẽ kiện gia đình bà Thúy và vu khống là cho vay nặng lãi. Quá trình sử dụng, Bà N đã kiểm tờ bìa đỏ phô tô và giao bán cho người khác, người mua phát hiện đất này không còn thuộc sở hữu của Bà N nên người này đã đòi lại Bà N tiền đặt cọc. Nay gia đình bà cần lấy lại nhà đất để sử dụng thì Bà N không trả. Gia đình bà đã nhờ chính quyền địa phương giải quyết nhưng không thành. Nay bà Thúy khởi kiện, yêu cầu Bà N phải trả lại tài sản là nhà đất trên cho bà.

Tài liệu do nguyên đơn cung cấp gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất sau khi nhận chuyển nhượng từ Bà N, Hợp đồng mua bán chuyển nhượng đất và sở hữu nhà ngày 29/6/2017 kèm giấy biên nhận tiền (bản viết tay do Bà N viết) cùng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 03/7/2017 giữa Bà N với bà Thúy, ông Sơn.

Bị đơn – bà Lương Thị N: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Bà N trình bày:

Bà cùng với chồng bà là ông Nguyễn Kim Luận sinh được 04 người con gồm: Nguyễn Thị T, Nguyễn Thành L, Nguyễn Công H và Nguyễn Quang H. Vợ chồng bà có 01 thửa đất của cha ông để lại là thửa đất số 65, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.369,0m² được UBND huyện T cấp năm 2007 đứng tên bà và chồng bà. Năm 2008 ông Luận chết, không để lại di chúc. Trước khi ông Luận chết, bà cùng với ông Luận bán một phần đất cho một số người gồm: Ông Kiều Ngọc Khoát (10m mặt đường), ông Trần Công Luyện khoảng 10 mét mặt đường và bán cho ông Nguyễn Văn Thiện (5,3m mặt đường), nhưng đến năm 2010 mới làm thủ tục cho các hộ trên (lúc này ông Luận đã chết). Cùng năm 2010 bà tiếp tục chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thu Hường 290,6m². Khi đó các con bà đều nhất trí để cho bà đứng ra làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho những người trên và phần còn lại cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho bà và cho bà được toàn quyền sử dụng. Vì vậy, đến nay, bà cũng như tất cả những người trên đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các con

bà không có thắc mắc gì. Đối với ngôi nhà trên đất là do vợ chồng bà xây dựng nên từ năm 2007.

Số tiền vợ chồng bà bán đất bà đã trả nợ của vợ chồng bà, số tiền bán đất cho chị Hương còn lại hỗ trợ mua đất cho con bà là Nguyễn Thành L và Nguyễn Công H (anh H và anh L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2016). Con út là Nguyễn Quang H chưa có đất và đang ở cùng bà tại thửa đất đang tranh chấp. Con gái Nguyễn Thị T lấy chồng nên không lấy gì mà đồng ý để cho bà sở hữu nhà và sử dụng đất còn lại.

Ngày 29/6/2017, bà có vay của bà Hà Minh T số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) với lãi suất 3 phẩy/1 triệu/tháng, để trả tiền cho tín dụng ngân hàng La Phù để đáo hạn, ngay lúc giao tiền bà Thúy trừ 01 tháng tiền lãi là 09 triệu đồng. bà Thúy bảo bà lên xã xin dấu và dặn bà là lấy các chữ ký của các con (*bà Thúy bảo tôi có đưa nào ở nhà bảo xuống ký nốt vào giấy vay*) Sau đó, gia đình bà đi làm ăn xa, lãi suất hàng tháng chưa trả đầy đủ, đến khi bà về xuống để thanh toán nợ với bà Thúy, thì bà Thúy trả lời là đã sang tên bìa đỏ rồi.

Bà khẳng định chữ ký của bà và các con bà trong bản hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở (Bản viết tay) là do bà viết và các con bà là anh H và anh H đã ký và viết. Tuy nhiên là do bà Thúy lừa mẹ con bà là giấy vay nợ nên bà và các con bà không đọc kỹ mà chỉ ký thôi. Bà cho rằng hành vi của bà Thúy là lừa đảo gia đình bà để chiếm đoạt tài sản, đất đai. Việc bà vay bà Thúy bao nhiêu tiền thì bà sẽ trả cả gốc và lãi. Do vậy bà không đồng ý trả lại nhà và đất cho bà Thúy.

Sau khi có kết luận giám định chữ trong biên bản họp gia đình ngày 20/6/2010: Bà cho rằng chữ ký trong biên bản họp gia đình là do bà ký thời điểm đó để làm thủ tục cho bà đứng tên còn ai lập biên bản thì bà không nhớ. Thực tế không có cuộc họp này. Bà đề nghị quý Tòa tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 032800 đứng tên ông Đỗ Văn S và Hà Minh T được UBND huyện T cấp ngày 27/4/2018.

Đối với thửa đất của vợ chồng anh L và vợ chồng anh H nguồn gốc từ tiền của gia đình bà mua cho anh L và anh H sau khi ông Luận chồng bà chết.

Tòa án có yêu cầu bà cung cấp tài liệu chứng cứ về việc cho bà Thúy vay tiền nhưng bà không cung cấp được.

Lời trình bày của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

I. Lời khai của chị Nguyễn Thị T: Chị được mẹ chị là Bà N kể lại: Ngày 29/6/2017 bà có vay của bà Thúy số tiền 300.000.000đồng với lãi suất 3,0/1 triệu/1 tháng để trả tiền cho quỹ tín dụng ngân hàng La Phù để đáo hạn. Ngay lúc giao tiền bà Thúy đã trừ 1 tháng lãi là 09 triệu đồng. Sau đó Bà N có bảo bà Thúy là hết bao nhiêu để trả thì bà Thúy trả lời là không cho Bà N vay tiền, mà do Bà N bán nhà cho bà Thúy. Nay bà Thúy lại có bìa đỏ đất của mẹ chị đứng tên bà Thúy mà chị không biết gì.

Nay bà Thúy cho rằng mẹ chị bán đất cho bà Thúy thì chị không đồng ý, vì thực tế mẹ chị không bán đất. Việc mua bán đất phải được sự đồng ý của chị em chị. Nội dung trong biên bản họp gia đình chỉ là ủy quyền cho mẹ chị đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chỉ cho bà được toàn quyền sử dụng.

Sau khi có kết quả giám định chữ viết, chị T bổ sung lời khai: Biên bản họp gia đình ngày 20/6/2010 thực tế không có cuộc họp này. Em trai chị là Nguyễn Thành L vừa câm, vừa điếc lại không biết chữ lại có chữ ghi là Nguyễn Thành L. Kết quả chữ viết trong cuộc họp ngày 20/6/2010 không phải chữ viết của chị. Chị đề nghị Tòa án tuyên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa mẹ chị là bà Lương Thị N với ông Sơn, bà Thúy lập ngày 03/7/2017 tại UBND xã Bảo Yên là vô hiệu. Đề nghị Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 032800 đứng tên ông Đỗ Văn S và bà Hà Minh T được UBND huyện T cấp ngày 27/4/2018.

2. Lời khai của anh Nguyễn Công H: Anh được biết, Bà N có vay tiền của bà Thúy khoảng 300.000.000đồng, với lãi suất 3,0 %, Bà N mới trả được 1 tháng lãi, sau đó không trả được nữa nhưng anh không cung cấp được giấy Bà N cho bà Thúy vay tiền. Bà Thúy được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh không biết. Nay bà Thúy cho rằng Bà N bán đất cho bà Thúy thì anh không đồng ý, vì thực tế Bà N không bán đất cho bà Thúy. Việc mua bán đất phải được sự đồng ý của anh chị em anh. Anh xác định chữ ký trong biên bản họp gia đình ngày 20/6/2010 là do anh ký, nhưng anh không nhớ ký trong trường hợp nào, ai đưa anh cũng không nhớ, nhưng nội dung chỉ là giấy ủy quyền cho Bà N đứng tên nên anh không đồng ý với yêu cầu của bà Thúy. Anh nhất trí với quan điểm của Bà N, đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Sơn và bà Thúy.

Đối với thửa đất của vợ chồng anh nguồn gốc từ tiền từ gia đình Bà N mua cho anh sau khi bố anh là ông Luận mất.

3. Lời khai của anh Nguyễn Quang H: Việc mẹ anh là Bà N với bà Thúy mua bán nhà đất với nhau như thế nào anh không biết. Anh không nhớ cụ thể năm nào nhưng chỉ nhớ có lần Bà N điện nói là vay tiền của bà Thúy và bảo anh đến nhà bà Thúy để ký giấy tờ nên anh đã ký mà không đọc nội dung, chỉ biết đó là 1 tờ giấy vay tiền. Anh cho rằng Bà N không bán nhà đất, mà chỉ có việc Bà N vay tiền của bà Thúy. Nay bà Thúy khởi kiện đòi nhà đất anh không đồng ý.

Đối với chữ viết tên anh trong Biên bản họp gia đình và trong Hợp đồng chuyển nhượng nhà và đất không phải là chữ ký của anh, tuy nhiên việc giám định chữ viết anh ủy quyền cho mẹ anh là Bà N quyết định.

4. Bà N đại diện cho anh Nguyễn Thành L, anh H, anh H có cùng quan điểm với Bà N: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên Hợp vô hiệu và đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng ông Sơn, bà Thúy.

5. Ông Đỗ Văn S có lời khai thể hiện: Vợ chồng ông có mua đất ở cùng nhà trên đất của Bà N, ở khu 2, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Được sự nhất trí của các con Bà N và có sự chứng kiến của hàng xóm ký nhận đầy đủ là ông Nguyễn Chí Thanh và ông Trần Công Luyện. Vợ ông là bà Thúy cùng Bà N đã đến quỹ tín dụng thị trấn Thanh Thủy trả nợ số tiền Bà N vay là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) để rút lấy bìa đỏ do Bà N thế chấp về để làm hợp đồng chuyển nhượng, cùng ngày vợ chồng ông giao nốt số tiền còn lại là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Ngày 03/7/2017 các bên đã cùng nhau làm hồ sơ chuyển nhượng đất và nhà ở trên đất. Do Bà N có nhu cầu và đề đạt được ở, và gia đình ông chưa có nhu cầu sử dụng nên đã đồng ý cho Bà N ở nhờ. Ngày 02/8/2019 Bà N xuống đề nghị muốn mua lại với giá hơn bảy trăm triệu đồng, vợ chồng ông đồng ý cho bà về chuẩn bị thu xếp, xong không thấy Bà N xuống. Nay Gia đình ông có nhu cầu sử dụng, yêu cầu Bà N trả lại nhà đất trên cho ông bà.

Đại diện theo ủy quyền của ông Sơn là ông Lê Văn Chi: Xác nhận lời trình bày của ông Sơn là đúng.

6. Ông Đào Hoàng Anh – Đại diện theo ủy quyền cho UBND huyện T có lời khai thể hiện:

Nguồn gốc thửa đất số 487, tờ bản đồ số 3, diện tích 131,5m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC764922 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà Lương Thị N ngày 29/9/2010. Địa chỉ thửa đất: Khu 1, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ được tách ra từ thửa đất số 65, tờ bản đồ số 03 (được thể hiện trong sổ đăng ký ruộng đất lưu tại UBND xã Bảo Yên) có nguồn gốc từ tài sản chung của vợ chồng bà Lương Thị N với ông Nguyễn Kim Luận.

Năm 2007 bà Lương Thị N và chồng là ông Nguyễn Kim Luận được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu tại thửa đất số 65, tờ bản đồ số 03 với diện tích 1.369,0m², Giấy chứng nhận QSD đất số AG 816953, cấp ngày 27/3/2007. Năm 2008 ông Luận chết, ngày 25/6/2010 gia đình Bà N họp gia đình phân chia tài sản trên đất và quyền sử dụng đất, đồng ý cho bà Lương Thị N được sở hữu tài sản trên đất và đứng tên một mình trên GCNQSD đất phần chia tách còn lại của thửa đất số 65, tờ bản đồ số 3 (nói trên) sau khi đã chuyển nhượng quyền sử dụng một số diện tích đất. Bà Lương Thị N có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Sau khi Bà N có toàn bộ các quyền đối với thửa đất số 65 nói trên thì bà làm thủ tục chuyển nhượng QSD đất (tách thửa đất số 65 thành 05 thửa đất mới, chuyển nhượng 04 thửa đất và còn lại một phần 131,5m² là thửa đất số 487 bà đang sử dụng). Theo quy định tại Điều 106 Luật đất đai 2003;

Điều 117, Điều 148 Nghị định số 181/NĐ-CP ngày 29/10/2004 thì hồ sơ cấp cho bà Lương Thị N tại Giấy chứng nhận QSD đất số BC 764922 ngày 29/9/2010 đối với thửa 487, diện tích 131,5m² là đúng quy định (*có hồ sơ kèm theo*).

Đến Năm 2018 bà Lương Thị N chuyển nhượng thửa đất có diện tích 131,5m² trên cho ông Đỗ Văn S và bà Hà Minh T. Ngày 27/4/2018 ông Sơn và bà Thúy được UBND huyện T cấp GCNQSD đất số CM 032800, với diện tích 126,9 (sau khi đo đạc thực tế). Quá trình làm thủ tục cấp GCNQSD đất cho Ông Sơn và bà Thúy, UBND huyện T đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của pháp luật.

Đối với việc Bà N cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bà N và các con Bà N, đề nghị Tòa án hủy GCNQSD đã cấp cho bà Thúy, ông Sơn, Quan điểm của UBND huyện: Việc UBND huyện T cấp GCNQSD đất số CM 032800 ngày 27/4/2018 cho ông Đỗ Văn S và bà Hà Minh T là đúng quy định của pháp luật về đất đai, được quy định tại Điều 168 luật đất đai năm 2013 và Điều 79 nghị định 43/2014/NĐ-CP.

Qua xác minh tại UBND xã Bảo Yên cung cấp: Nguồn gốc thửa đất số 487, tờ bản đồ số 3, diện tích 131,5m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC764922 do UBND huyện T cấp cho bà Lương Thị N ngày 29/9/2010 (Thửa đất đang tranh chấp). Nguồn gốc thửa đất được tách ra từ thửa số 65, tờ bản đồ số 03 (được thể hiện trong sổ đăng ký ruộng đất, ghi tờ bản đồ số 4, loại Bản đồ 299 lưu tại UBND xã Bảo Yên), thửa đất số 65 đứng tên chủ sử dụng đất là bà Lương Thị N, diện tích 1.080 nhưng thời điểm đo đạc thực tế năm 2010 là (1.369,0m²) Nguồn gốc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 03, căn cứ vào tài liệu lưu tại UBND xã Bảo Yên và thực tế tại địa phương cho thấy, thửa đất là tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Kim Luận và bà Lương Thị N. Và thửa đất đang tranh chấp được xuất phát từ tài sản chung của ông Luận, Bà N.

Thời điểm ông Nguyễn Kim Luận còn sống, ông Luận cùng Bà N đã bán cho 03 hộ gia đình gồm: ông Kiều Ngọc Khoát, ông Trần Công Luyện, ông Nguyễn Văn Thiện, nhưng đến năm 2010 mới làm thủ tục và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ. Các thửa đất của các hộ được tách ra từ thửa số 65, tờ bản đồ số 3 gồm: Thửa số: 484, 485, 488. Năm 2010 Bà N tiếp tục chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thu Hương thửa số 486 (thời điểm này ông Luận đã chết). Diện tích còn lại là 131,5 thửa đất số 487, tờ bản đồ số 3 được UBND huyện T cấp cho bà Lương Thị N ngày 29/9/2010, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC764922.

Về thủ tục xem xét thẩm định và xác nhận hồ sơ về Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Lương Thị N với bà Hà Minh T và ông Đỗ Văn S, đối với thửa đất số 487 nêu trên như sau: Ngày 03 Tháng 7 năm 2017, bà Lương Thị N và chị Hà Minh T có trực tiếp lên Ủy ban nhân dân xã Bảo Yên làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất trên cho bà Hà Minh T cùng

chồng là ông Đỗ Văn S, các bên đã ký vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 25/2017/HĐCN và các giấy tờ liên quan đến thủ tục chuyển nhượng đối với thửa đất trên trước mặt ông Nguyễn Tiến Dũng – nguyên chủ tịch UBND xã Bảo Yên (Thời điểm năm 2017) và bà Kiều Thị Phụng – Công chức văn phòng thông kê kiêm công chức tư pháp xã. Sau đó Chủ tịch UBND xã (Ông Dũng) đã chứng thực Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Lương Thị N với bà Hà Minh T và ông Đỗ Văn S.

Như vậy, trước khi trình hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Hà Minh T và ông Đỗ Văn S lên UBND huyện T, thì Ủy ban nhân dân xã Bảo Yên đã thẩm định hồ sơ, thực hiện việc chứng thực Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho các bên theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với vợ chồng ông Luận và Bà N có 04 người con chung, hiện nay các con của ông Luận Bà N là anh Nguyễn Thành L và anh Nguyễn Công H đã có đất ở tại khu 1, xã Bảo Yên và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2016; Chị Nguyễn Thị T hiện đã xây dựng gia đình riêng và anh Nguyễn Quang H đang ở chung với Bà N.

Việc các con Bà N, ông Luận có đóng góp công sức vào việc xây dựng nhà đất hay không, chính quyền địa phương không nắm được.

Ông Nguyễn Tiến Dũng – Nguyên chủ tịch UBND xã Bảo Yên có lời khai thể hiện: Thời điểm năm 2017, ông là chủ tịch UBND xã Bảo Yên. Ngày 03 Tháng 7 năm 2017, bà Lương Thị N, bà Hà Minh T và ông Đỗ Văn S có đến Ủy ban nhân dân xã Bảo Yên để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Sau khi cán bộ văn phòng - tư pháp xã tiếp nhận hồ sơ và kiểm tra đầy đủ thủ tục nên cán bộ là bà Kiều Thị Phụng trình chủ tịch ký. Sau khi ông kiểm tra hồ sơ và thẩm tra tại chỗ có các bên ký trước mặt ông vào hợp đồng chuyển nhượng, phía bên người chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng. Ông có hỏi Bà N về việc Bà N có chuyển nhượng thực sự hay không, hay còn lý do nào khác thì Bà N nói rằng bà chuyển nhượng cho cô chú Thúy – Sơn. Sau khi xác định việc chuyển nhượng là có thật nên ông đã ký vào phần chứng thực của UBND xã với tư cách là chủ tịch. Ông khẳng định việc chứng thực của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 25/2017/HĐCN ngày 03/7/2017 chủ tịch UBND xã Bảo Yên là đúng quy định của pháp luật.

Lời khai người làm chứng gồm: Ông Nguyễn Văn Thiện, ông Trần Công Luyến và bà Lương Thị Lý (vợ ông Khoát) có lời khai thể hiện: Các ông bà có mối quan hệ đều là hàng xóm của Bà N. Các ông bà đều xác định những năm 1995, 1996 và 2006, khi ông Nguyễn Kim Luận còn sống. Ông Luận, Bà N đã bán cho các ông bà các thửa đất đều có giấy viết tay nhưng không còn lưu giữ giấy này. Tuy nhiên đến khi ông Luận chết, năm 2010 các ông bà mới được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các ông bà còn biết sau khi ông Luận chết, Bà N có bán cho chị Nguyễn Thu Hường một phần đất của

ông bà, diện tích bao nhiêu không rõ. Hiện nay chị Hường đã chuyển cho người khác và không còn ở trên đất đó nữa. Khi các ông bà mua đất và bán cho chị Hường đều không có tài sản gì trên đất.

Ông Luyến còn khai: Ngày 29/6/2017 khi ông đang ở nhà thì Bà N đem 01 tờ giấy sang nhà nhờ ông ký vào phần người làm chứng. Ông có đọc “nội dung hợp đồng mua bán chuyển nhượng” giữa Bà N với ông Sơn, bà Thúy, ông có hỏi Bà N bán đất à, Bà N trả lời “Tôi vay tiền của chị Thúy nhưng phải làm thủ tục bán đất thì người ta mới cho vay tiền” và ông đã ký vào phần người làm chứng, còn việc Bà N có vay tiền của bà Thúy hay không thì ông không biết.

- Bà Bùi Thị Thủy có lời khai thể hiện: Bà có mối quan hệ là hàng xóm với bà Hà Minh T và là có quen biết với bà Lương Thị N do trước đó hay đi chợ cùng. Ngày 03/7/2017 bà được Bà N và bà Thúy nhờ làm chứng tại nhà bà Thúy về việc chuyển nhượng nhà và đất. Trước khi ký bà có hỏi hai bên mua bán đất bao nhiêu thì hai bên cùng nói là giá 300.000.000đồng. Bà chứng kiến bà Thúy đưa tiền cho Bà N, cụ thể số tiền đưa bao nhiêu bà không biết, khi đó chỉ có mặt bà và Bà N, chị Thúy, anh Sơn, chị Lựu. Bà thấy bìa đỏ, giấy tờ để trên mặt bàn, bà đã ký vào phần người làm chứng và chứng kiến bà Thúy đưa tiền cho Bà N rồi bà đi về luôn. Ngoài ra bà không biết gì khác.

Bà Nguyễn Thu Hường có lời khai thể hiện: Năm 2010, bà có giao dịch với Bà N mua 01 mảnh đất ở huyện T. Do thời gian quá lâu nên bà không nhớ chi tiết giao dịch.

Tại bản án số: 01/2022/DS-ST ngày 10/01/2022, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ vào, Khoản 1 Điều 8, Điều 119, Điều 223, Điều 235, khoản 2 Điều 129, Điều 500, Điều 503, Điều 166, Điều 168 Bộ luật dân sự; Khoản 1, khoản 3 Điều 167, Khoản 1 Điều 168, Điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 188, Điều 203 luật đất đai; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Minh T đối với bà Lương Thị N về việc đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất.

Buộc bà Lương Thị N phải trả lại cho bà Hà Minh T và ông Đỗ Văn S thửa đất số 98, tờ bản đồ số 10, diện tích 126,9m² do UBND huyện T, tỉnh Phú Thọ cấp cho ông Đỗ Văn S và bà Hà Minh T, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 032800 ngày 27/4/2018 và ngôi nhà 02 tầng gắn liền trên đất có diện tích 106,2m²; Địa chỉ thửa đất: Khu 1, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lương Thị N; Hoàn trả cho bà Hà Minh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số:

AA/2018/0000653 ngày 04/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngày 12/01/2022 bà Lương Thị N và chị Nguyễn Thị T kháng cáo, nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, xét xử lại theo quy định của pháp luật. Lý do, vi phạm tố tụng, áp dụng pháp luật chưa đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Vnh bày: Cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng cụ thể là, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự có sai phạm, không đầy đủ; không đưa UBND xã Bảo Yên vào tham gia tố tụng là thiếu bởi có liên quan đến biên bản họp gia đình ngày 20/6/2010. Áp dụng pháp luật không đúng cụ thể là, Bà N không bán đất, Hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 03/7/2017 là giả tạo, thực tế và bà Thúy, ông Sơn cho Bà N vay lãi, Bà N phải ký hợp đồng này thì mới được cho vay tiền; Biên bản họp gia đình không có chữ ký của chị T nên việc Bà N tự ý bán đất mà không có ý kiến của các con là không hợp pháp. Hợp đồng chuyển nhượng đất viết tay ngày 29/6/2017 không công chứng chứng thực nên không có hiệu lực. Vì vậy, hợp đồng chuyển nhượng đất phải vô hiệu theo Điều 124 Bộ luật dân sự; giấy chứng nhận QSD đất do UBND huyện T đã cấp cho bà Thúy, ông Sơn phải bị hủy. Đề nghị hủy án sơ thẩm.

Kiểm sát viên có quan điểm: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Kháng cáo không có cơ sở, đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm (Chi tiết tại bài phát biểu lưu hồ sơ).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo trong hạn, hợp lệ được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về kháng cáo của Bà N, bà Thoa:

[2.1] Đối với nội dung kháng cáo, Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng.

Xét thấy:

Hồ sơ vụ án thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng cho đương sự. Vụ án có kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong suốt quá trình giải

quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng không thấy có ý kiến kiến nghị gì về việc tuân theo pháp luật của Tòa án; tại bài phát biểu của Kiểm sát viên ghi nhận Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; không có tài liệu nào xác định quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã vi phạm tố tụng nên kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng là không có cơ sở. UBND xã Bảo Yên không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. UBND xã Bảo Yên cũng đã có ý kiến lưu hồ sơ vụ án nên Tòa án cấp sơ thẩm không đưa UBND xã Bảo Yên vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng. Vì vậy, nội dung kháng cáo này không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với nội dung kháng cáo, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng pháp luật chưa đúng. Xét thấy:

Ngày 29/9/2010, bà Lương Thị N được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận QSD đối với thửa đất số 487, tờ bản đồ số 3, diện tích 131,5m² tại Khu 1, xã B, huyện T (Theo bản đồ hiện nay là thửa số 98, tờ bản đồ số 11, diện tích 126,9m²). Nguồn gốc thửa đất này được tách ra từ thửa số 65, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.080m² (thực tế đo đạc vào năm 2010 là 1.369m²). Thửa đất số 65 là tài sản chung của vợ chồng bà Lương Thị N và ông Nguyễn Kim Luận. Những năm 1995, 1996, 2006 ông Luận, Bà N đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Thiện 452m², ông Trần Công Luyến 260m², bà Lương Thị Lý 208,9m² nhưng chưa làm thủ tục. Năm 2008 ông Luận chết, năm 2010 Bà N tiếp tục chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thu Hương 290,6m². Năm 2010 các con của Bà N, ông Luận là các anh chị: Nguyễn Thị T, Nguyễn Thành L, Nguyễn Công H, Nguyễn Quang H đều nhất trí để Bà N đứng ra làm thủ tục cho các trường hợp nhận chuyển nhượng trên và họ đều đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất hợp pháp từ thời điểm này; đồng thời nhất trí để Bà N được đứng tên toàn quyền sử dụng phần diện tích đất còn lại. Bà N cũng đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất như trên.

Ngày 03/7/2017, bà N lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất trên cho bà Hà Minh T, ông Đỗ Văn S với giá tiền là 300 triệu đồng. Hợp đồng được lập tại UBND xã B, huyện T, được UBND xã Bảo Yên chứng thực cùng ngày; Bà Thúy, ông Sơn được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số:CM032800 ngày CN 713457 ngày 27/4/2018.

Trước đó vào ngày 29/6/2017, Bà N lập hợp đồng mua bán chuyển nhượng QSD đất và sở hữu nhà bằng giấy Bà N viết tay có nội dung Bà N bán đứt toàn bộ diện tích đất ở và hiện trạng nhà ở cho bà Thúy, ông Sơn với giá là 300 triệu đồng. Trong văn bản này ngoài chữ ký của Bà N, còn có chữ ký của anh Nguyễn Quang H, anh Nguyễn Công H là con trai Bà N và ông Thiều Công Luyến, ông Nguyễn Chí Thanh (hàng xóm) ký làm chứng. Khi bà Thúy giao tiền cho Bà N có bà Bùi Thị Thủy là người quen của Bà N, bà Thúy chứng kiến.

Bà N thừa nhận đã nhận của bà Thúy, ông Sơn số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và cho rằng đây là tiền vay lãi nhưng bà phải lập hợp đồng chuyển nhượng nhà đất như trên thì mới được bà Thúy, ông Sơn cho vay. Bà Thúy, ông Sơn không thừa nhận; Bà N không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) đã nhận trên là tiền vay lãi.

Như vậy, tuy hợp đồng ký kết ngày 03/7/2017 chỉ thể hiện Bà N chuyển nhượng cho bà Thúy, ông Sơn thửa đất số 487, tờ bản đồ số 3 (nay là thửa số 98, tờ bản đồ số 11), diện tích 126,9m² tại Khu 1, xã B, huyện T, nhưng căn cứ văn bản ngày 29/6/2017 có cơ sở xác định ngôi nhà hai tầng trên đất cũng đã được chuyển nhượng cùng với thửa đất. Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 03/7/2017 được lập theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật dân sự và luật đất đai, được đăng ký tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T. Hình thức, nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia ký kết hợp đồng đều có đủ năng lực hành vi dân sự, không có căn cứ xác định việc ký kết hợp đồng do bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép, nhầm lẫn hay giả tạo nên hợp đồng có hiệu lực. Quá trình giải quyết vụ án các anh chị T, Luân, Huân, Huy đều thừa nhận từ năm 2010 đều nhất trí cho Bà N đứng ra làm thủ tục cho ông Nguyễn Văn Thiện, ông Trần Công Luyến, bà Lương Thị Lý là những người nhận chuyển nhượng đất từ khi ông Luận còn sống, đồng thời đồng ý cho Bà N đứng tên và toàn quyền sử dụng diện tích còn lại của thửa đất sau khi chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thu Hương 290,6m² đất vào năm 2010. Tức là, kể từ thời điểm Bà N được cấp giấy chứng nhận QSD đất thì Bà N có quyền thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp, góp vốn quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013 mà không cần phải có ý kiến của các anh chị T, Luân, Huân, Huy. Trên thực tế thì Bà N đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Vì vậy, các chữ ký tại văn bản ngày 20/6/2010 có phải chữ ký của chị T, anh L, anh H, anh H hay không đều không phải là điều kiện làm cho hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa Bà N với bà Thúy, ông Sơn vô hiệu.

Từ những nhận định trên có đủ cơ sở kết luận: Không có căn cứ xác định hợp đồng chuyển nhượng QSD thửa đất số 487, tờ bản đồ số 3 (nay là thửa số 98, tờ bản đồ số 11), diện tích 126,9m² tại Khu 1, xã B, huyện T và ngôi nhà hai tầng trên đất giữa bà Lương Thị N và vợ chồng bà Hà Minh T, ông Đỗ Văn S là giả tạo. Không có căn cứ xác định số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) mà Bà N đã nhận của bà Thúy, ông Sơn là tiền cho vay lãi như lời trình bày của Bà N. Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất trên tuân thủ đúng quy định của pháp luật dân sự, đất đai nên hợp pháp. Ông Sơn, bà Thúy đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận QSD đất theo đúng quy định của pháp luật, nên thửa đất và ngôi nhà trên đất là tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Thúy, ông Sơn. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thúy, ông Sơn là đúng. Do đó kháng cáo của Bà N, chị T không có cơ sở chấp nhận.

Luận cứ của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Bà N không có cơ sở chấp nhận.

Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp được chấp nhận.

[3] Án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên đương sự kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Bà N là người cao tuổi nên được miễn án phí, chị T phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bà Lương Thị N và kháng cáo của chị Nguyễn Thị T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2022/DS-ST ngày 10/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào, Khoản 1 Điều 8, Điều 119, Điều 223, Điều 235, khoản 2 Điều 129, Điều 500, Điều 503, Điều 166, Điều 168 Bộ luật dân sự; Khoản 1, khoản 3 Điều 167, Khoản 1 Điều 168, Điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 188, Điều 203 luật đất đai; Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Minh T đối với bà Lương Thị N về việc đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất.

Buộc bà Lương Thị N phải trả lại cho bà Hà Minh T và ông Đỗ Văn S thửa đất số 98, tờ bản đồ số 10, diện tích 126,9m² do UBND huyện T, tỉnh Phú Thọ cấp cho ông Đỗ Văn S và bà Hà Minh T, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 032800 ngày 27/4/2018 và ngôi nhà 02 tầng gắn liền trên đất có diện tích 106,2m²; Địa chỉ thửa đất: Khu 1, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lương Thị N;

Hoàn trả cho bà Hà Minh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2018/0000653 ngày 04/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[2] Án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Miễn án phí phúc thẩm cho bà Lương Thị N.

Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí phúc thẩm, được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại

Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0005913 ngày 25/01/2022 của Chi cục THADS huyện T, tỉnh Phú Thọ.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hà Giang

Lê Thị Thu Huyền

Nguyễn Việt Tiến

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND h. Thanh Thủy;
- Chi cục THADS Thanh Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Tiến